KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN

2 Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

a) $7dm = \frac{7}{10}m = 0,7m$

b) $9cm = \frac{9}{100}m = 0,09m$

$5dm = \frac{5}{10}m =$ ... m

$3cm = \frac{3}{100}m =$ ... m

$2mm = \frac{2}{1000}m =$ ... m

$8mm = \frac{8}{1000}m =$ ... m

$4g = \frac{4}{1000}kg =$ ... kg

$6g = \frac{6}{1000}kg =$ ... kg

3 Viết phân số thập phân và số thập phân thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

m	dm	cm	mm	Viết phân số thập phân	Viết số thập phân
0	5			$\frac{5}{10}$ m	0,5m
0	1	2		$\frac{12}{100}$ m	0,12m
0	3	5		... m	... m
0	0	9		... m	... m
0	7			... m	... m
0	6	8		... m	... m
0	0	0	1	... m	... m
0	0	5	6	... m	... m
0	3	7	5	... m	... m

LIVEWORKSHEETS